

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2022/DS-ST
Ngày: 07 - 11 - 2022
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Tân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Bé Hai.

2. Ông Huỳnh Văn Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 07 tháng 11 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 111/2022/TLST-DS ngày 08 tháng 7 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 103/2022/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 156/2022/QĐST-DS ngày 18 tháng 10 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V1; địa chỉ trụ sở Tầng 2, Tòa nhà T1, Số 9, đường B1, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Ông Lô Bằng G, sinh năm 1972; địa chỉ Số 199 C, phường C, quận Đ, Thành phố Hà Nội là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V - Vắng mặt).

2. Chị Lê Thúy K, sinh năm 1989; địa chỉ làm việc Tầng M, Tòa nhà T1, Số 9, đường B1, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền số 43/UQ-XLTD.21 ngày 06 tháng 12 năm 2021 - Vắng mặt).

3. Anh Đinh Văn P, sinh năm 1991; địa chỉ làm việc Số F2 -73, đường Nguyễn Thị S, khu vực T2, phường T3, quận R, Thành Phố Cần Thơ là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn theo ủy quyền lại của chị Lê Thúy K

(Văn bản ủy quyền số 02/QUTA-XLTD.22 ngày 19 tháng 9 năm 2022 - Có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Phúc V2, sinh năm 1992; địa chỉ ấp T4, xã T5, huyện B2, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25 tháng 3 năm 2022 của nguyên đơn Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V1 và trong quá trình xét xử, anh Đinh Văn P người đại diện của nguyên đơn trình bày:

Ngày 11/7/2020, Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V1 (gọi tắt là Công ty Tài chính V1) và anh Nguyễn Phúc V1 ký kết Hợp đồng tín dụng số 20200XX3-7006XX2 với nội dung: Công ty Tài chính V1 cho anh V2 vay số tiền 52.750.000 đồng; hình thức cho vay tín chấp; mục đích cho vay tiêu dùng cá nhân; thời hạn vay kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 14/7/2022; lãi suất trong hạn 3,92%/tháng (tương ứng 47,65%/năm); phương thức trả nợ gốc và lãi cố định chia đều, hàng tháng trả số tiền 3.431.000 đồng, kỳ cuối cùng phải trả có thể khác với các kỳ đầu được thể hiện cụ thể tại Lịch trả nợ; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, không phải trả lãi chậm trả lãi; ngoài ra còn thỏa thuận bên vay phải chịu phí thu hộ cho đơn vị cung cấp dịch vụ thu hộ.

Thực hiện hợp đồng: Ngày 16/7/2020, Công ty Tài chính V1 giải ngân cho anh V2 nhận số tiền 52.750.000 đồng kèm theo Lịch trả nợ gốc và lãi số tiền 82.315.019 đồng (gốc 52.750.000 đồng, lãi 29.565.019 đồng) cố định chia đều thành 24 kỳ, 23 kỳ đầu trả số tiền 3.431.000 đồng vào ngày 16 hàng tháng, kỳ cuối trả số tiền 3.402.019 đồng vào ngày 16/7/2022. Tuy nhiên, kể từ ngày giải ngân đến ngày đáo hạn hợp đồng, anh V2 chỉ trả nợ vay của 02 kỳ được số tiền 6.886.000 đồng (gốc 2.783.377 đồng, lãi 4.102.623 đồng) thì ngưng thanh toán. Mặc dù, Công ty Tài chính V1 đã áp dụng nhiều biện pháp nhắc nhở yêu cầu thanh toán nợ vay nhưng anh V2 vẫn không thực hiện nghĩa vụ.

Nay Công ty Tài chính V1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc anh V2 phải có trách nhiệm trả cho Công ty Tài chính V1 nợ vay số tiền 75.429.019 đồng (trong đó gốc 49.966.622 đồng, lãi trong hạn 25.462.397 đồng) và lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại đồng tín dụng kể từ ngày 08/11/2022 cho đến khi trả xong nợ gốc số tiền 49.966.622 đồng. Miễn cho anh V2 khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trong thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/11/2022.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm:

Anh Nguyễn Phúc V2 đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng đều vắng mặt tại các phiên họp, không giao nộp văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính V1 và không giao nộp tài liệu, chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh V2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai vắng mặt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định đây là tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc loại vụ án tranh chấp về hợp đồng dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình.

[2] Về thủ tục xét xử: Tại phiên tòa sơ thẩm, anh V2 đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai vắng mặt không có lý do vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và không có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh V2 theo thủ tục chung.

- Về nội dung:

[1] Về áp dụng pháp luật: Xét hợp đồng tín dụng được xác lập, đang thực hiện và xảy ra tranh chấp giữa các đương sự như nhận định tại các đoạn [2.1], [2.2] “Về nội dung” được điều chỉnh theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng. Căn cứ vào khoản 2 Điều 3 Luật Các tổ chức tín dụng, Tòa án áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản quy phạm pháp luật quy định chi tiết, hướng dẫn áp dụng Luật Các tổ chức tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng là Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng (gọi tắt là *Thông tư số 39/2016/TT-NHNN*), Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cho vay tiêu dùng của công ty tài chính (gọi tắt là *Thông tư số 43/2016/TT-NHNN*), Thông tư số 18/2019/TT-NHNN ngày 04/11/2019 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2016/TT-NHNN (gọi tắt là *Thông tư số 18/2019/TT-NHNN*) để nhận định, giải quyết mà không áp dụng quy định về giới hạn lãi suất của Bộ luật Dân sự để xác định lãi, lãi suất.

[2] Về yêu cầu khởi kiện và hướng giải quyết:

[2.1] Xét việc xác lập, thực hiện quan hệ cho vay tiêu dùng bằng hình thức tín chấp, thỏa thuận mức lãi suất cho vay theo khung lãi suất cho vay tiêu dùng tại Quyết định số 08a/QĐ-PTrKD.17 có hiệu lực ngày 01/02/2017 đến khi được thay thế bằng Quyết định số 38/QĐ-PTrKD.20 ngày 20/8/2020 của Công ty Tài chính V1 về “Ban hành khung lãi suất áp dụng đối với sản phẩm cho vay tiêu dùng cá nhân, cho vay mua hàng gia dụng và cho vay mua xe hai bánh” đã được báo cáo với Ngân hàng Nhà nước, phương thức trả vốn và lãi cố định chia đều giữa Công ty Tài chính V1 với anh V2 trên cơ sở ký kết Hợp đồng tín dụng

số 20200XX3-7006XX2 ngày 11/7/2020 kèm theo Lịch trả nợ ngày 16/7/2020 là đúng quy định tại khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 94, điểm d khoản 1 Điều 108 Luật Các tổ chức tín dụng; các điều 4, 10, 12, 13, 18, 23, 30, 31 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN; khoản 1 và khoản 3 Điều 3, Điều 5, điểm a khoản 2 và khoản 4 Điều 7, khoản 1 Điều 8, Điều 9, Điều 10 Thông tư số 43/2016/TT-NHNN; các khoản 4, 6, 10, 11, 12, 13, 14, 15 Điều 1 Thông tư số 18/2019/TT-NHNN.

[2.2] Xét trong quá trình thực hiện và đáo hạn hợp đồng, anh V2 vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Việc Công ty Tài chính V1 khởi kiện yêu cầu anh V2 trả nợ vay số tiền 75.429.019 đồng (trong đó gốc 49.966.622 đồng, lãi trong hạn 25.462.397 đồng) và trả lãi quá hạn theo mức lãi suất thỏa thuận tại đồng tín dụng kể từ ngày 08/11/2022 cho đến khi trả xong dư nợ gốc số tiền 49.966.622 đồng, miễn khoản tiền lãi quá hạn phát sinh trong thời gian vi phạm nghĩa vụ thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 07/11/2022 là đúng quy định khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 20, khoản 1 và khoản 4 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN; khoản 3 Điều 5 Thông tư số 43/2016/TT-NHNN và có lợi cho anh V2 được chấp nhận.

[3] Từ những phân tích và điều luật viện dẫn áp dụng như nhận định tại các mốc đơn mục [1], [2] “*Về tố tụng*” và các mốc đơn [1], [2] “*Về nội dung*”, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính V1 giải quyết theo hướng đã nhận định như trên.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:*** Xét yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính V1 được chấp nhận. Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án, giải quyết:

[1] Anh V2 phải chịu án phí tính tròn số tiền 3.771.451 đồng.

[2] Hoàn trả cho Công ty Tài chính V1 được nhận lại số tiền 1.886.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Áp dụng điểm c khoản 4 Điều 13, Điều 20, khoản 1 và khoản 4 Điều 21 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; khoản 3 Điều 5 Thông tư số

43/2016/TT-NHNN ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định cho vay tiêu dùng của công ty tài chính.

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, kèm theo danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V1.

1.1. Buộc anh Nguyễn Phúc V2 có trách nhiệm trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V1 số tiền 75.429.019 (Bảy mươi lăm triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn không trăm mười chín) đồng.

1.2. Buộc anh Nguyễn Phúc V2 có trách nhiệm trả lãi quá hạn phát sinh trên dư nợ gốc số tiền 49.966.622 (Bốn mươi chín triệu chín trăm sáu mươi sáu nghìn sáu trăm hai mươi hai) đồng theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số 20200713-7006682 đã ký ngày 11 tháng 7 năm 2020 kèm theo Lịch trả nợ ngày 16 ngày 7 năm 2020 cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V1. Thời điểm trả lãi được tính kể từ ngày 08 tháng 11 năm 2022 cho đến khi anh V2 trả xong dư nợ gốc.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1. Buộc anh Nguyễn Phúc V2 phải nộp án phí số tiền 3.771.451 (Ba triệu bảy trăm bảy mươi một nghìn bốn trăm năm mươi một) đồng.

2.2. Hoàn trả cho Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V1 được nhận lại số tiền 1.886.000 (Một triệu tám trăm tám mươi sáu nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số NQ 0010843 ngày 30 tháng 5 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Vụ án được xét xử công khai. Có mặt anh Đinh Văn P là người đại diện theo ủy quyền (không có quyền kháng cáo) của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V1. Vắng mặt ông Lô Bằng G là người đại diện theo pháp luật, chị Lê Thúy K là người đại diện theo ủy quyền của Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V1; anh Nguyễn Phúc V2. Báo cho ông G, chị K biết có quyền đại diện Công ty Tài chính trách nhiệm hữu hạn Ngân hàng V1 kháng cáo, anh V2 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để Tòa án cấp trên xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long: 02;
- VKSND huyện Tam Bình: 02;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình: 01;
- ĐD.NĐ + BĐ: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 01;
- Lưu án văn: 06.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Cao Minh Tân